

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Hà và ông Lê Đình Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Võ Phúc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 229/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1981 (Có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Minh Đ, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà T và ông Đ chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 20/3/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ ruột của ông Đ thuộc phường M, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận (Nay là Đ, tỉnh Khánh Hòa). Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông Đ thường xuyên rượu chè, chửi bới, đánh đập, quậy phá vợ con, dùng dao hăm dọa vợ con, gây ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của bà,

ảnh hưởng đến an ninh trật tự làng xóm tại địa phương. Nguyên nhân là do ông Đ không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi sớm về khuya, tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha và không tôn trọng vợ nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng không thể ngồi lại nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm. Đến tháng 01/2025 vợ chồng không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau cũng không ai đặt vấn đề quay trở về chung sống. Hiện nay, bà T và con đã chuyển về chung sống tại nhà cha mẹ ruột thuộc phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nhưng ông Đ vẫn tìm đến nhà để chửi bới, quậy phá, xúc phạm bà.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 14/11/2009. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Minh Đ: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Lê Minh Đ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật

Tổ tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Lê Minh Đ nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ, ông Đ đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Lê Thị T và ông Lê Minh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 20/3/2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Đ thường xuyên rượu chè, đánh đập bà T, không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2025, quá trình ly thân không ai đặt vấn đề quay lại sống chung. Mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của bà T và ông Đ phù hợp với đơn xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 02/3/2026 được Ban Q, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa xác nhận nội dung về tình trạng hôn nhân.

Ông Đ biết việc bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông Đ không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.3] Về con chung: Bà T và ông Đ có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 14/11/2009. Hội đồng xét xử xét thấy bà T có nguyện vọng được nuôi con, cháu H bà có nguyện vọng được ở với mẹ, nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, ông Lê Minh Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lê Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 14/11/2009. Ông Lê Minh Đ không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003268 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 15/4/2026. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND phường Đông Hải;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Xuân Hùng**